

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-ST
Ngày 20/8/2020
“*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T Hồng.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Núi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2020/TLST-DS, ngày 28/02/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-DS, ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Bà Võ Thị Tuyết M**, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thái Sơn, sinh năm: 1981. Địa chỉ: khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 07/8/2019). (có mặt)

2. *Bị đơn:* **Bà Phạm Thị Kiều T**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Thái Sơn là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết M trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Phạm Thị Kiều T có vay của bà Võ Thị Tuyết M số tiền 40.000.000 đồng, hẹn trong thời hạn 06 tháng sẽ hoàn trả. Mỗi tháng bà T sẽ trả lãi phát sinh theo thỏa thuận, có lập biên nhận nhận tiền ngày 17/01/2018. Sau khi nhận tiền thì bà T không thực hiện như cam kết nên bà M có làm đơn nhờ khu phố giải quyết. Sau khi hòa giải, bà T đồng ý mỗi tháng trả tiền gốc 500.000 đồng, 02 tháng đầu bà

T hoàn trả đúng như biên bản hòa giải, sau đó thì bà T không trả nữa. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Kiều T trả số nợ còn lại là 39.000.000 đồng và lãi suất bằng với lãi suất Ngân hàng Nhà nước từ lúc bà T nhận tiền đến khi trả đủ số tiền cho bà M.

Bà Phạm Thị Kiều T trình bày:

Năm 2018, bà T có vay của bà Võ Thị Tuyết M số tiền 40.000.000 đồng để xây nhà. Lãi suất là 15%/tháng, mỗi tháng bà T trả 6.000.000 đồng, trả được 6 tháng nhưng sau đó không có khả năng trả nữa. Đến tháng 3/2019, có trả được số tiền gốc 3.700.000 đồng, trả qua tay không có giấy tờ gì nhưng có ghi vào biên bản hòa giải tại khu phố Ngã Ba và tại đây bà T có hứa trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến tháng 4, tháng 5/2019, bà T trả mỗi tháng 500.000 đồng, tổng cộng được 4.700.000 đồng, số tiền còn nợ lại 35.300.000 đồng. Hoàn cảnh khó khăn do bị vỡ hụi, bà T xin trả cho bà M mỗi tháng 500.000 đồng, đến năm 2021 mỗi tháng bà T sẽ trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà T xin bà M bỏ phần lãi của số tiền trên.

Tại phiên tòa, ông Sơn người đại diện theo ủy quyền của bà M thừa nhận vào tháng 3/2019, bà Võ Thị Tuyết M có nhận của bà T số tiền 3.700.000 đồng theo biên bản hòa giải tại khu phố Ngã Ba. Đến tháng 4, tháng 5/2019, bà T trả cho bà M mỗi tháng 500.000 đồng, tổng cộng được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bà M đã nhận của bà T là 4.700.000 đồng, số tiền bà T còn nợ lại bà M là 35.300.000 đồng, ngoài ra thì bà M không còn nhận khoản tiền nào khác từ bà T. Bà M yêu cầu bà T trả một lần hết số tiền gốc 35.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án còn để quá hạn nên cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, buộc bà T trả cho bà M số tiền còn nợ. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Phạm Thị Kiều T có nơi cư trú tại khu phố Ngã Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Võ Thị Tuyết M và bà Phạm Thị Kiều T có lập hợp đồng vay tiền vào ngày 17/01/2018, cụ thể bà M đã cho bà T vay số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, bà T có trả cho bà M được tổng số tiền

4.700.000 đồng. Vì vậy, số tiền bà T còn nợ bà M đến nay chưa trả là 35.300.000 đồng và bà T cũng thừa nhận còn nợ bà M số tiền này. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, bà T không có khả năng trả 01 lần hết số nợ nêu trên, mà xin trả dần cho đến khi hết nợ và xin bà M không tính lãi, nhưng bà M không đồng ý. Bà T cho rằng đã trả cho bà M 06 tháng tiền lãi, với lãi suất là 15%/tháng, mỗi tháng là 6.000.000 đồng nhưng bà M không thừa nhận và bà T cũng không có chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Vì vậy, bà M yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ 35.300.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận. Bà M không yêu cầu tính lãi nên miễn xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T bị buộc trả tiền nên phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả. Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Tuyết M. Buộc bà Phạm Thị Kiều T phải trả cho bà M số tiền là 35.300.000 đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì bà T còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.765.000 đồng.

Bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 975.000 đồng theo lai thu số 0000054 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Bà M, bà T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/8/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeân K;
- Chi cûc THADS huyeân K;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Lòu taáp aùn, hoà sô;

**TM. HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ
THAÂM
THAÂM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN
TOØA**

Nguyễn Văn Pho